

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **3152** /BNN-TCLN
V/v Hướng dẫn mẫu cam kết bảo vệ
rừng đặc dụng

Hà Nội, ngày **06** tháng **9** năm **2013**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực
thuộc trung ương.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Mẫu cam kết bảo vệ rừng đặc dụng; tiêu chí xác định kết quả thôn, bản thực hiện cam kết bảo vệ rừng đặc dụng theo điểm d, khoản 5 Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2013/TTLT-BTC-BNNPTNT như sau:

1. Mẫu cam kết bảo vệ rừng đặc dụng

Cam kết bảo vệ rừng đặc dụng do thôn, bản lập trên cơ sở hội nghị thôn, bản thông qua được UBND cấp xã xác nhận, gửi Ban quản lý rừng đặc dụng.

Nội dung trong cam kết gồm: cam kết bảo vệ rừng theo quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (năm 2004); cam kết của cộng đồng trong việc tham gia quản lý bảo vệ rừng đặc dụng; và cam kết về sử dụng khoản kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng.

Biểu mẫu cam kết theo biểu mẫu số 1 đính kèm.

2. Tiêu chí xác định kết quả thôn bản thực hiện cam kết bảo vệ rừng

Tiêu chí xác định kết quả cộng đồng dân cư thôn, bản vùng đệm thực hiện cam kết bảo vệ rừng đặc dụng là các nội dung cộng đồng thể hiện trong nội dung bản Cam kết bảo vệ rừng đặc dụng.

Việc xác định kết quả thực hiện cam kết bảo vệ rừng đặc dụng được thực hiện vào cuối năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Ban quản lý rừng đặc dụng. Cuộc họp do Ban quản lý rừng đặc dụng chủ trì với sự tham gia của đại diện UBND cấp xã, đại diện thôn, bản và kiểm lâm địa bàn. Kết quả đánh giá được thể hiện qua Bản đánh giá thôn bản thực hiện cam kết bảo vệ rừng đặc dụng theo biểu mẫu tại biểu mẫu số 2 đính kèm.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin hướng dẫn. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị UBND các tỉnh phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Lưu VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn

Biểu mẫu số 1. Cam kết bảo vệ rừng đặc dụng
(Kèm theo công văn số 3152/BNN-TCLN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ RỪNG

(Địa điểm), ngày tháng năm

Kính gửi: Ban quản lý khu rừng đặc dụng ...

Cộng đồng dân cư thôn/bản:

Địa chỉ: xã huyện Tỉnh/thành phố

đã tổ chức họp để thảo luận về trách nhiệm của mọi người dân trong thôn/bản đối với việc quản lý và bảo vệ rừng đặc dụng cũng như rừng trong vùng đệm và đã thống nhất cam kết bảo vệ rừng với Ban quản lý khu rừng đặc dụng như sau:

I. Cam kết bảo vệ rừng: thực hiện đúng quy định của Luật BV&PTR, không vi phạm những hành vi bị nghiêm cấm:

Ban quản lý rừng đặc dụng trên cơ sở quy định: tại Điều 12 Luật bảo vệ và phát triển rừng (năm 2004); Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 2/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; quy định những hành vi bị nghiêm cấm đối với khu rừng đặc dụng, phù hợp với tình hình thực tế quản lý bảo vệ rừng đặc dụng của mình.

II. Tham gia quản lý bảo vệ rừng

1. Khi phát hiện các hành vi xâm hại khu rừng đặc dụng mọi người trong thôn bản có trách nhiệm ngăn chặn, kịp thời thông báo cho lãnh đạo thôn, người có thẩm quyền biết để xử lý theo quy định của pháp luật;

2. Người phát hiện thấy cháy rừng phải báo ngay cho Trưởng thôn và Ban quản lý rừng đặc dụng. Mọi người trong có trách nhiệm tham gia chữa cháy rừng khi được huy động.

3. Phối hợp với Ban Quản lý khu rừng đặc dụng phổ biến, tuyên truyền cho mọi người trong và ngoài thôn được biết về cam kết bảo vệ rừng.

4. Tham gia các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng theo yêu cầu của Ban quản lý khu rừng đặc dụng.

5. Trưởng thôn có trách nhiệm xử lý các vi phạm về cam kết bảo vệ rừng, đồng thời báo cáo Ban QLR đặc dụng và báo cáo UBND cấp xã giải quyết, xử lý những vi phạm ngoài khả năng của thôn.

III. Cam kết về sử dụng khoản kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng

Cộng đồng thôn, bản cam kết tự tổ chức xây dựng kế hoạch, dự toán, thực hiện và giám sát việc sử dụng khoản kinh phí 40 triệu đồng được nhà nước hỗ trợ phát triển cộng đồng theo đúng kế hoạch, dự toán được phê duyệt, có hiệu quả và phục vụ lợi ích của cộng đồng.

Trong năm thôn, bản nào không thực hiện đúng cam kết bảo vệ rừng đã ký, Ban quản lý rừng đặc dụng có quyền phối hợp với UBND cấp xã thu hồi số kinh phí chưa sử dụng nộp ngân sách nhà nước. Kết quả thực hiện cam kết bảo vệ rừng trong năm là căn cứ để Ban quản lý rừng đặc dụng xem xét hỗ trợ phát triển cộng đồng của các năm tiếp theo.

Nếu thôn, bản không thực hiện đúng cam kết bảo vệ rừng đã ký, Ban quản lý khu rừng đặc dụng cùng với UBND cấp xã có quyền thu hồi số kinh phí chưa sử dụng nộp ngân sách nhà nước và đình chỉ hỗ trợ cho năm tiếp theo.

Bản cam kết này được đăng ký tại Ban quản lý rừng đặc dụng và UBND cấp xã làm cơ sở cho việc: kiểm tra, đôn đốc của Ban quản lý rừng đặc dụng và chính quyền địa phương./.

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TRƯỞNG THÔN
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu số 2. Tiêu chí xác định thôn, bản thực hiện cam kết BVR
 (Kèm theo công văn số **3152** BNN-TCLN ngày **06** tháng **9** năm 2013 của Bộ
 Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN ĐÁNH GIÁ THÔN, BẢN THỰC HIỆN CAM KẾT
 BẢO VỆ RỪNG ĐẶC DỤNG**

Ngày Tháng năm

Tại:

Đã tổ chức họp đánh giá xác định thôn, bản thực hiện cam
 kết bảo vệ rừng. Thành phần gồm:

- 1) Đại diện Ban quản lý rừng đặc dụng:
- 2) Đại diện UBND cấp xã:
- 3) Đại diện thôn, bản:
- 4) Kiểm lâm địa bàn:

Cùng thống nhất như sau:

1. Đánh giá thực hiện cam kết bảo vệ rừng đặc dụng

1.1. Thực hiện cam kết bảo vệ rừng

Tiêu chí (Theo các tiêu chí trong cam kết bảo vệ rừng)	Số vụ vi phạm	Mức độ vi phạm (rất cao, cao, trung bình, thấp và rất thấp)
1	4	5
1.		
2.		
3.		
4.		
5.		
6.		
7.		
8.		
9.		
.....		

1.2. Tham gia quản lý bảo vệ rừng

Nội dung	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ tham gia/thực hiện
1. Các hoạt động quản lý bảo vệ rừng của cộng đồng thôn, bản <ul style="list-style-type: none">- Diện tích- Số người tham gia		
2. Thực hiện hợp đồng khoán bảo vệ rừng với Ban quản lý rừng đặc dụng		
Diện tích khoán bảo vệ rừng đặc dụng	.	
Số cộng đồng, hộ gia đình tham gia		
Thực hiện theo hợp đồng khoán		
3. Tuần tra bảo vệ rừng đặc dụng		
Số tổ nhóm tuần tra rừng		
Số người tham gia		
Mức độ thường xuyên		
Số vi phạm phát hiện được		
Hiện trạng rừng cuối năm so với đầu năm		

1.3. Thực hiện cam kết về sử dụng khoản kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng

- Tình hình sử dụng các khoản hỗ trợ theo kế hoạch, dự toán được phê duyệt;
- Số hộ gia đình tham gia trên tổng số hộ gia đình trong thôn, bản;
- Số được hưởng lợi trực tiếp (nhận hỗ trợ giống cây, giống con, thiết bị chế biến nông lâm sản ...) trên tổng số hộ gia đình trong thôn, bản;
- Số lượng và tên các công trình công cộng của cộng đồng được xây dựng mới hay sửa chữa.

2. Nhận xét, đánh giá và kết luận

2.1. Nhận xét đánh giá chung tình hình thực hiện cam kết bảo vệ rừng đặc dụng và cam kết về sử dụng khoản kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư của cộng đồng

- Thực hiện cam kết bảo vệ rừng đặc dụng:
- Thực hiện cam kết về sử dụng khoản kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng:

2.2. Kết luận

- Thôn, bản đã thực hiện tốt Cam kết bảo vệ rừng đặc dụng. Đề nghị nhà nước thông qua Ban quản lý rừng đặc dụng tiếp tục hỗ trợ cho cộng đồng thôn, bản năm

tiếp theo. Hoặc thôn, bản đã thực hiện bảo vệ rừng trong năm qua tốt hơn, đề nghị đưa thôn, bản vào danh sách hỗ trợ cho năm tới

- Hoặc: Thôn, bản thực hiện không tốt Cam kết bảo vệ rừng đặc dụng và không được hỗ trợ kinh phí phát triển cộng đồng năm sau. Cuối năm sau sẽ tổ chức hội nghị đánh giá lại làm cơ sở cho việc đề xuất hỗ trợ cho các năm tiếp theo.

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ ngày tháng ... năm được các bên tham dự thông qua, thống nhất ký tên.

Bản đánh giá này được lập thành 04 bản, gửi:

- Cộng đồng: 01 bản.
- UBND cấp xã: 01 bản.
- Ban QL khu rừng đặc dụng 02 bản.

Đại diện
UBND cấp xã
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Đại diện
Ban quản lý Khu rừng đặc dụng
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Kiểm lâm địa bản
(Ký, họ và tên)

Đại diện cộng đồng Thôn, bản
Trưởng thôn
(Ký, họ và tên)